

VỀ ĐỔI MỚI ĐÀO TẠO BẬC CỬ NHÂN Ở KHOA ĐỊA LÍ ĐHSP HÀ NỘI: CHẶNG ĐƯỜNG TRƯỚC MẮT

GS.TS Nguyễn Việt Thịnh

Khoa Địa lí - Trường ĐHSP Hà Nội

I. ĐỔI MỚI ĐÀO TẠO Ở KHOA ĐỊA LÍ LÀ YÊU CẦU THƯỜNG XUYÊN VÀ CẤP BÁCH HIỆN NAY

Việc đổi mới đào tạo ở Khoa Địa lí ĐHSP Hà Nội là công việc thường xuyên, nhưng cũng là những công việc cần được tiến hành sau một chu kỳ đào tạo khoảng 5 - 10 năm, với những đổi mới có tính chất căn bản. Trong bối cảnh của những năm cuối thế kỉ XX và đầu thế kỉ XXI, việc đổi mới này là cấp bách, với những lí do sau đây:

- Khoa Địa lí nằm trong trường ĐHSP Hà Nội, là trường đại học sư phạm trọng điểm. Những đổi mới ở khoa Địa lí có tác động nhân rộng ra các khoa địa lí khác trong hệ thống sư phạm (cao đẳng và đại học) của cả nước.

- Khoa Địa lí đang tham gia tích cực vào việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa Địa lí ở phổ thông, chương trình và giáo trình cao đẳng sư phạm. Quá trình đổi mới này có tính hai chiều: từ trên xuống và từ dưới lên, với sự tương tác giữa hệ thống đào tạo giáo viên và hệ thống giáo dục phổ thông.

- Khả năng hội nhập và yêu cầu hội nhập trong đào tạo đòi hỏi phải rà soát lại chương trình đào tạo, phương thức quản lí đào tạo, phương pháp dạy học và nâng cấp cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Sự thay đổi trong đầu vào (tuyển sinh) và đầu ra (thị trường sử dụng lao động) đòi hỏi phải đa dạng hóa loại hình đào tạo và đa dạng hóa mục tiêu đào tạo.

Trong bài báo này, chúng tôi nêu ra những định hướng về đổi mới đào tạo trên cơ sở những kinh nghiệm mà khoa Địa lí đã đạt được trong những năm qua, phần nào đã được đúc kết trong Đề tài trọng điểm cấp Bộ B2002-75-62TD.

II. VẤN ĐỀ THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TỪ NHỮNG NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ TỪ SINH VIÊN

- Muốn đổi mới đào tạo, phải thường xuyên giữ mối liên hệ với thực tiễn xã hội và thực tiễn ở trường phổ thông. Những mối liên hệ này đã được duy trì thông qua việc thăm dò ý kiến của các cựu sinh viên của khoa, nhất

là các học viên cao học (phần lớn trong số này có thâm niên trong công tác, một số là các giáo viên giỏi, cốt cán của các trường cao đẳng, các sở giáo dục và các trường phổ thông), họ vừa là sản phẩm của quá trình đào tạo, vừa là người sử dụng lao động (những sinh viên mới ra trường). Một kênh thông tin khác là điều tra thông qua các phiếu hỏi ý kiến hay các cuộc phỏng vấn sâu các cơ quan giáo dục, các đơn vị ngoài ngành giáo dục có sử dụng lao động là các sinh viên tốt nghiệp từ khoa Địa lí ĐHSP Hà Nội.

Để đo lường được "sự hài lòng" của xã hội đối với sản phẩm đào tạo của khoa, ta có thể phân tích một số chỉ tiêu: 1/ Tỷ lệ tuyển qua kì thi tuyển sinh đại học; 2/Tỷ lệ sinh viên ra nghề có được việc làm ngay từ năm đầu tiên; 3/ Số cựu sinh viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi sau một số năm thâm niên công tác nhất định; 4/ Số cựu sinh viên được đề bạt vào các chức vụ quản lý (trong và ngoài ngành giáo dục) sau một số năm công tác nhất định; 5/ Số sinh viên quay lại khoa để tiếp tục học ở bậc Sau đại học; 6/ Số học viên cao học không phải là cựu sinh viên của khoa.

- Việc thăm dò ý kiến phản hồi của sinh viên cần rất được coi trọng. Đặc biệt là việc giảng viên trực tiếp lấy ý kiến của sinh viên để rút kinh nghiệm giảng dạy; khoa lấy ý kiến sinh viên qua các cuộc họp với cán bộ lớp, đoàn và hội sinh viên; trao đổi ý kiến với các sinh viên lớp cuối, nhất là sinh viên sắp ra trường; điều tra bằng phiếu hỏi. Những ý kiến cần tham khảo là cách học và dạy, nguyện vọng của sinh viên, cách tổ chức, quản lí đào tạo.

III. ĐẨY MẠNH KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Việc kiểm soát quá trình đào tạo đã được thực hiện khá tốt, nhưng theo chúng tôi, một số việc có tính chất then chốt cần được đẩy mạnh:

- Dự giờ giảng dạy của cán bộ trong khoa. Việc này ở các trường Phổ thông, trường cao đẳng được thực hiện như một việc bình thường. Ở Đại học hiện nay, việc này chưa được đều đặn và vào nên nếp. Khoa mới chú trọng dự giờ giảng của cán bộ trẻ, và cán bộ trẻ cũng đã được dự giờ của giảng viên có kinh nghiệm. Khoa sẽ phát động phong trào đăng kí giờ dạy tốt, có đổi mới phương pháp, hưởng ứng phong trào chung của Công đoàn Trường. Một trong những phương hướng đổi mới cần tiếp tục là việc ứng dụng CNTT trong dạy học và hướng dẫn sinh viên NCKH.

- Kiểm soát đề cương bài giảng. Thông qua việc quản lí đề cương bài giảng (đề cương chi tiết môn học), tổ chuyên môn và Ban chủ nhiệm khoa

sẽ đánh giá được mức độ đổi mới nội dung và phương pháp dạy học. Khoa sẽ động viên cán bộ giảng viên đăng tải các đề cương chi tiết này trên trang "Bài giảng trực tuyến" (Course on-line) trên trang Web của khoa.

- Công khai hóa một số thông tin chính trong đào tạo.

IV. ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hiện nay, Khoa có các phiên bản khác nhau về chương trình đào tạo cử nhân, đó là: 1/ Chương trình đại trà (được chính thức sử dụng từ năm 2000); 2/ Chương trình đào tạo Cử nhân địa lí chất lượng cao và 3/ Chương trình đào tạo cử nhân địa lí (ngoài Sư phạm). Ngoài ra, Khoa Địa lí còn biên soạn chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Địa lí cho Đại học Đồng Tháp. Việc rút kinh nghiệm các chương trình sau một thời gian triển khai, đồng thời việc điều chỉnh chương trình do điều chỉnh mục tiêu đào tạo, đối tượng đào tạo, do sự phát triển của khoa học địa lí và khoa học giáo dục đã trở thành nhu cầu tất yếu.

Trên cơ sở phân tích các mặt mạnh, yếu của các chương trình hiện hành, học tập kinh nghiệm của chương trình đào tạo Địa lí của một số trường đại học lớn trên thế giới, chúng tôi cho rằng phương hướng tới là:

1. Việc đổi mới chương trình trên cơ sở kế thừa những thành tựu đạt được của các chương trình hiện tại nhưng phải phản ánh tốt nhất trình độ phát triển của khoa học Địa lí từ những năm cuối thế kỉ XX trở lại đây. Đó là Địa lí học quan tâm nhiều hơn đến việc nghiên cứu mối tương tác giữa các hệ thống xã hội và hệ thống tự nhiên trong không gian, các vấn đề về môi trường và phát triển, với sự mở rộng và cụ thể hoá quan niệm về phát triển bền vững. Địa lí học quan tâm nhiều hơn đến việc nghiên cứu tổ chức không gian kinh tế, tổ chức không gian đời sống xã hội của con người, chú ý nhiều hơn đến các khía cạnh về văn hoá. Khu vực học đã trở thành một khoa học liên ngành, mà Địa lí học phải đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu khu vực học.

2. Chương trình phải nhằm các mục tiêu đào tạo năng lực và phẩm chất cho người sinh viên. Những năng lực này phải bao gồm cả năng lực về khoa học cơ bản, để họ có thể làm tốt ở các nhiệm vụ giảng dạy, cũng như nghiên cứu khoa học và cả năng lực sư phạm, trong đó có năng lực hoạt động xã hội. Phải đặc biệt coi trọng năng lực tự học, tự nghiên cứu, tư duy phê phán trong khi tiếp nhận các tri thức.

3. Trên cơ sở một chương trình khung dành để đào tạo đại trà cử nhân chính quy tập trung như hiện nay, phải nghiên cứu biến đổi, cập nhật từng phần chương trình này theo các hướng khác nhau, tạo ra nhiều phiên bản chương trình khác nhau.

Chương trình đào tạo sẽ được cấu tạo theo hướng mô-đun hoá, từ đó việc bố trí logic của các môn học/học phần . Việc này sẽ giúp cho triển khai đào tạo văn bằng 2 ngành Địa lí, thiết kế chương trình bồi dưỡng giáo viên, chương trình đào tạo tại chức, đào tạo từ xa.

4. *Tăng tính lựa chọn (options) của chương trình* cho phù hợp với các nhu cầu đào tạo mới của xã hội, sự phát triển của khoa học công nghệ và sự linh hoạt của các loại hình đào tạo. Khoa sẽ nghiên cứu để *tăng thêm số lượng chuyên đề nằm trong danh sách tự chọn, nhất là những môn có tác dụng nâng cao năng lực nghiên cứu cho sinh viên*. Điều này sẽ giúp đào tạo có tính phân hóa trong sinh viên.

5. Quản lí chương trình chi tiết và đề cương giảng dạy là điều cốt lõi trong quản lí chất lượng đào tạo.

Trong chương trình chi tiết cần phải nêu rõ:

- Tên môn học/học phần, mã môn học (theo quy định thống nhất)
- Mục tiêu cần phải đạt sau khi học học phần. Những mục tiêu này cần cụ thể, càng cụ thể càng tốt để có thể đo lường được mức độ đạt mục tiêu này.
- Số lượng bài tập mà sinh viên phải hoàn thành¹.
- Các tiêu chuẩn đánh giá sinh viên. Các tiêu chuẩn này được xác định tùy theo môn học và trong đề cương giảng dạy từng năm, giáo viên có thể điều chỉnh. Tuy nhiên, nó phải phản ánh đầy đủ quá trình học tập và thành tích học tập của sinh viên.
- Thang điểm.
- Các tài liệu đọc bắt buộc.

¹ Thường trong các *Syllabus* ở các nước phương Tây có phân biệt các loại bài tập nhỏ (*assignments*) và các bài tập nghiên cứu (*Projects*).

V. HOÀN THIỆN CÁCH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

1. Việc đánh giá sinh viên phải phản ánh được toàn bộ quá trình học tập của sinh viên. Sự chuyên cần, bài tập giữa kì, bài tập điều kiện, điểm thi hết môn, tất cả phải được phản ánh vào kết quả đánh giá cuối cùng.

Trước mắt, Khoa được Ban Giám hiệu cho phép thí điểm đánh giá sinh viên theo cách mới (cách đánh giá này cũng phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Vụ đào tạo Đại học và Sau đại học, Bộ GD-ĐT). Từ năm học 2004-2005, đánh giá kết quả học tập các môn học (do khoa quản lí) như sau:

- Điểm thi hết môn: nhân hệ số 2
- Điểm bài tập: nhân hệ số 1
- Điểm thi điều kiện (đề nghị gọi là điểm giữa kì): nhân hệ số 1

Sinh viên nộp các bài tập và bài điều kiện chậm theo quy định của giáo viên phụ trách môn học sẽ bị trừ điểm, thậm chí không được chấp nhận. Điểm thi điều kiện là 0 (không điểm) có nghĩa là không đủ điều kiện thi hết môn. Không quy định sinh viên làm lại bài điều kiện hay bài tập chưa đạt yêu cầu.

Điểm môn học là điểm trung bình (có nhân hệ số) của các thành phần trên. Điểm bài tập được quy định cụ thể tùy theo số đơn vị học trình (các môn 2 ĐVHT có thể không có điểm bài tập, môn thực địa sẽ gồm điểm báo cáo hết đợt và điểm chấm số tay thực địa).

Về điều kiện đánh giá chuyên cần: sinh viên phải có mặt trên 80% số giờ lên lớp như quy định hiện hành thì mới được dự thi.

2. Sử dụng kết hợp các hình thức thi. Hai hình thức thi phổ biến nhất đang được áp dụng là thi vấn đáp và thi viết.

Thi vấn đáp với các câu hỏi tự luận ngắn để sinh viên trình bày trong thời gian thường từ 5 - 10 phút. Hiện nay, khoa Địa lí khuyến khích kết hợp thi vấn đáp cho các lớp không đông sinh viên (chẳng hạn các lớp chất lượng cao).

Thi viết: với thời gian 120 – 180 phút, mỗi câu làm trong khoảng thời gian không quá 60 phút.

Bài tập và bài điều kiện: các bài tập nhỏ, khống chế số trang (chẳng hạn không được quá 15 trang). Những bài có tính lí thuyết thì phải đánh giá được khả năng đọc và tổng hợp tài liệu về vấn đề có liên quan, đọc nhiều

nhưng tổng hợp lại thật ngắn gọn. Những bài thực hành tại phòng thí nghiệm phải có yêu cầu thật khắt khe về tính kế hoạch, tính tổ chức, khả năng giải quyết các tình huống cụ thể. Phải đánh lỗi nặng (trừ điểm) các trường hợp sao chép bài.

- Các bài tập nhỏ có tính chất bắt buộc sinh viên phải đọc thêm tài liệu quy định, củng cố kiến thức và kỹ năng đã có, vận dụng vào một vài tình huống cụ thể. Chú ý tìm những dạng bài tập giúp sinh viên sau này có thể "bắt chước" và "vận dụng" vào công việc giảng dạy của họ, trở thành những mẫu nhất định về ra bài tập cho sinh viên.

Thi trắc nghiệm khách quan: trên cơ sở có ngân hàng dữ liệu đề thi và yêu cầu của từng học phần, trong giai đoạn thử nghiệm giáo viên bộ môn là người tuyển chọn và trộn đề với sự trợ giúp của chuyên gia tin học. Vừa làm vừa rút kinh nghiệm, đánh giá độ khó, độ phân biệt... nên việc thi trắc nghiệm khách quan được khuyến khích trong làm bài tập hoặc bài điều kiện. Giai đoạn đầu là thi trên giấy (theo kiểu Paper-based trong thi TOEFL). ở bước tiếp sau: nghiên cứu triển khai thi trên mạng LAN, thi trên máy, trên cơ sở đầu tư xây dựng các phần mềm quản lý thi trên mạng.

VI. TIẾP TỤC TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT CỦA KHOA

Cho đến thời điểm này, cơ sở vật chất kỹ thuật của khoa đã được đầu tư khá và được Trường đánh giá tốt về hiệu quả sử dụng thiết bị. Có thể nói về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu tin học hóa, với các phòng máy tính, phòng bộ môn, phòng học chuẩn. Đã có điều kiện để đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng Internet...

Trong thời gian tới, với việc đào tạo hệ cử nhân khoa học ngoài sư phạm, Khoa cần tập trung nỗ lực để xây dựng ở tầm cao mới các phòng thí nghiệm khoa học cơ bản, đồng thời liên kết với các khoa bạn (khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp, khoa Hóa học) trong việc tiến hành một số thí nghiệm chuyên đề.

Việc đẩy mạnh đào tạo và nghiên cứu ứng dụng viễn thám, GIS có thể coi là một trong những hướng ưu tiên.

VII. BỒI DƯỠNG CÁN BỘ TRẺ VÀ CÁN BỘ KẾ CẬN

Đây là một khâu then chốt để đổi mới đào tạo một cách bền vững. Với tính chất phát triển nguồn nhân lực, thì vấn đề này sẽ được bàn đến ở các hội nghị riêng.

VIII. KẾT LUẬN

Mặc dù hiện nay, quy mô đào tạo sau đại học của Khoa ngày càng tăng, nhưng tính chuẩn mực trong đào tạo bậc cử nhân có ý nghĩa sống còn đối với việc duy trì và nâng cao uy tín của một khoa Địa lý đầu ngành. Vì vậy, chúng tôi nêu các ý kiến trên đây để các đồng nghiệp trong khoa cùng chia sẻ và những ý kiến nào được sự đồng tình, ủng hộ của các bộ môn thì sẽ sớm đi vào cuộc sống.